TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28/4/2021
"V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình – Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Truyện.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Trong các ngày 16/4 và 28/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2021/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 190/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trần Thị Hải P, sinh năm 1991.

- *Bị đơn:* Huỳnh Thanh S, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện M, Đồng Tháp.

(Chị P có mặt, anh S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Hải P trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi và anh S cưới nhau năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An năm 2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn lý do anh S thay đổi tính tình, không lo làm ăn mà tụ tập ăn chơi, nhiều lần tôi nói chuyện với anh S nhưng

anh Sơn không thay đổi. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn như trước, chúng tôi thường xuyên cải nhau không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Đến nay tôi thấy anh S không còn yêu thương tôi và con khi càng ngày anh S càng sống vô tâm hơn, anh S không còn muốn cùng tôi xây dựng gia đình nuôi dạy con cái. Nay, tôi yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Thanh S.

Về con chung : Có 01 con chung tên Huỳnh Thị Phương T – sinh ngày 17/12/2013, hiện đang sống với chị P và anh S. Sau khi ly hôn chị P yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản hòa giải ngày 31/3/2021, anh Huỳnh Thanh S trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi thống nhất như lời trình bày của vợ tôi là chị Trần Thị Hải P. Chúng tôi cưới nhau năm 2008 và có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp. Trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc cũng có mâu thuẫn, cải vả nhau. Vợ chồng đã ly thân hơn nửa tháng nay. Nay, tôi còn thương vợ con tôi, không muốn gia đình đổ vỡ nên không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Hải P.

- Về con chung : Có 01 con chung tên Huỳnh Thị Phương T – sinh ngày 17/12/2013. Tôi đồng ý giải quyết theo nguyện vọng của con, nếu con sống với ai thì người đó nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

1. Giấy chứng minh nhân dân (Bản photo);

2. Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);

3. Giấy khai sinh (Bản sao);

4. Sổ hộ khẩu (Photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Hải P về việc yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh S nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là *"Tranh chấp về hôn nhân gia đình - ly hôn"*.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều

28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp B, xã A, huyện M, Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, Đồng Tháp; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh S quen biết, tìm hiểu rồi tự nguyện đến với nhau, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp là đúng với quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên tòa, chị P cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh S chỉ lo chơi bời không lo cho vợ con, nhiều lần xúc phạm gia đình chị. Chị đã nộp đơn ly hôn một lần và đã rút lại nhằm cho anh S cơ hội thay đổi, sửa sai nhưng anh S vẫn vậy không thay đổi mà ngày càng vô tâm hơn. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ lúc chị nộp đơn đến nay. Điều đó, chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật nhưng anh S chỉ đến Tòa án một lần, các lần còn lại đều vắng mặt. Điều này thể hiện anh S không có trách nhiệm đối với cuộc hôn nhân của mình, không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hải P là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Hải P được ly hôn với anh Huỳnh Thanh S.

- Về quan hệ nuôi con: Chị P xác định vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thị Phương T, sinh ngày 17/12/2013. Sau khi ly hôn chị P yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

Xét yêu cầu của chị P, yêu cầu được tiếp tục nuôi con Huỳnh Thị Phương T, sinh ngày 17/12/2013 là phù hợp vì cháu T hiện đang sống với chị P, hiện cháu trên 07 tuổi và căn cứ vào nguyện vọng của cháu Phương T là được sống với mẹ nên việc giao cháu T cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Chị P không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi hai con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ nợ: Chị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Hải P được ly hôn với anh Huỳnh Thanh S.

2. Về quan hệ nuôi con: Chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của chị Trần Thị Hải P.

Chị Trần Thị Hải P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Huỳnh Thị Phương T, sinh ngày 17/12/2013.

Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không có yêu cầu.

Chị P, anh S có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh S được quyền thăm con, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Hải P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0011416 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười; Chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị P được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đương sự;
- UBND xã Mỹ An, huyện Tháp Mười, ĐT;
- Lưu HSVA (K. Ngọc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Văn Ngọc